

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trong  
hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ban, Ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai nội dung Quyết định

này; đồng thời, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân được biết và thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2022 và thay thế Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Nơi nhận:** *AK*

- Như điều 3;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để giám sát);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Bạc Liêu; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, (TQ72).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH** *gline*



**Lê Tấn Cận**

## **QUY ĐỊNH**

### **Bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

*(Kèm theo Quyết định số: 23 /2022/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các nội dung bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản; quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước, trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động săn, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

### **Điều 3. Những quy định chung**

1. Hoạt động nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ quy định về sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.
3. Có cơ sở, vật chất, trang thiết bị sử dụng trong nuôi trồng thủy sản phù hợp với đối tượng và hình thức nuôi, cụ thể theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

4. Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y, an toàn lao động và an toàn thực phẩm.

5. Tùy theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản, điều kiện tự nhiên của khu vực mà cơ sở nuôi chọn đối tượng nuôi và hình thức nuôi hợp lý nhưng phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật nuôi, các quy chuẩn của ngành thủy sản cụ thể phải thực hiện đúng các quy định về: Phòng, chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi; điều kiện cơ sở, vùng nuôi bán thâm canh, thâm canh đối với tôm sú, nuôi thâm canh đối với tôm thẻ chân trắng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (*VietGAP*) và các quy định khác có liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Đối với các mô hình nuôi thủy sản kết hợp (*tôm - lúa, tôm - rừng, rừng - tôm*) và các mô hình sản xuất, canh tác bền vững, thân thiện với môi trường phải bố trí đúng tỷ lệ diện tích đất, mặt nước, vật nuôi và cây trồng theo đúng quy định và hướng dẫn của ngành chức năng.

7. Đối với các cơ sở, vùng nuôi bán thâm canh, thâm canh tôm sú và nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng phải đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng theo quy định tại mục 2.2 của QCVN 02-19:2014/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm, trong đó phải có thiết kế/quy hoạch tổng mặt bằng cơ sở nuôi trồng thủy sản (*tổng diện tích cơ sở nuôi ( $m^2$ )*): Trong đó, có tổng diện tích ao nuôi ( $m^2$ ); tổng diện tích ao chứa/lắng ( $m^2$ ); tổng diện tích ao xử lý nước thải ( $m^2$ ); tổng diện tích các công trình thu gom xử lý chất thải rắn (*bùn thải đáy ao, vỏ đầu tôm, kho quản lý nguyên vật liệu, lưu giữ chất thải công nghiệp, nguy hại, nhà vệ sinh tự hoại hợp vệ sinh của cơ sở...*); tọa độ địa lý vị trí các điểm cấp nước và xả nước thải sau xử lý ra môi trường.

8. Hoạt động thả giống phải đảm bảo đúng lịch thời vụ của ngành chức năng khuyến cáo, việc lấy nước vào ao nuôi và xả nước thải phải phù hợp với lịch điều tiết nước của khu vực và quy định của pháp luật về xả nước thải.

#### **Điều 4. Thực hiện thủ tục về môi trường**

Các cơ sở, dự án đầu tư trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản thâm canh hoặc bán thâm canh có sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô lớn từ 100 ha trở lên; dự án có phát sinh nước thải từ 30.000  $m^3$ /ngày đêm trở lên; dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập hồ sơ thủ tục cấp giấy phép môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định và cấp giấy phép môi trường.

Trường hợp dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô lớn từ 50 ha đến dưới 100 ha; dự án có phát sinh nước thải từ 10.000 đến dưới 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và hồ sơ thủ tục cấp giấy phép môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định và cấp giấy phép môi trường.

## 2. Đối với dự án, cơ sở nuôi còn lại:

Đối với các cơ sở, dự án còn lại: Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải thì phải lập hồ sơ thủ tục cấp giấy phép môi trường gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và cấp giấy phép môi trường.

Đối với cơ sở, dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thì phải thực hiện đăng ký môi trường gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

Đối với cơ sở, dự án không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải với lưu lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì được miễn đăng ký môi trường.

## **Điều 5. Điều kiện bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản**

### 1. Đối với kết cấu hạ tầng phục vụ cho nuôi trồng thủy sản:

a) Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản phải được xây dựng đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; phải có hệ thống kênh, mương cấp nước và thoát nước thải riêng biệt đảm bảo không gây ô nhiễm chéo và dễ xử lý nguồn nước ô nhiễm khi có sự cố môi trường.

b) Hệ thống cấp nước, thoát nước thải phải luôn thông thoáng, được sên vét, cải tạo thường xuyên đảm bảo không dễ bồi lắng, tồn đọng gây tác động xấu đến môi trường và hoạt động sản xuất, canh tác của khu vực.

c) Bố trí tối thiểu 15 % tổng diện tích ao nuôi để dành cho ao chứa/lắng; tối thiểu 10% tổng diện tích ao nuôi dành cho ao xử lý nước thải.

### 2. Đối với xử lý nước thải và chất thải rắn:

Các chất thải trong nuôi trồng thủy sản phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Tùy thuộc vào điều kiện quy mô và loại hình hoạt động mà sử dụng các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vệ sinh phòng dịch theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y.

a) Xử lý nước thải:

Nước thải phải được thu gom và xử lý bằng biện pháp, công nghệ hợp lý. Nước thải sau xử lý phải đạt theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B); không gây ô nhiễm nguồn nước cấp cho hoạt động nuôi tôm theo các quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

Đối với các ao nuôi thủy sản bị bệnh: Sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy thủy sản bị bệnh phải tiến hành khử trùng nước trong ao; tẩy trùng, sát khuẩn, xử lý nền đáy; diệt giáp xác và vật chủ trung gian truyền bệnh trong ao. Phải được xử lý đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm trước khi nuôi lại.

b) Xử lý chất thải rắn: Chất thải phát sinh trong nuôi trồng thủy sản (*bao bì đựng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường sau khi sử dụng, bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản,...*) phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải. Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

3. Quy định đối với hoạt động sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản:

a) Đối với sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm phải có khu chứa bùn thải và các chất thải khác phù hợp, đảm bảo chứa đủ lượng đất, bùn thải, chất thải khác của quá trình sên, vét và giữ nước được lắng trong trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; không để đất, bùn trong khu chứa tràn ra sông, kênh rạch gây ô nhiễm môi trường.

b) Hoạt động sên, vét bùn cải tạo ao nuôi phải tiến hành đúng kỹ thuật của ngành chức năng hướng dẫn, đúng lịch thời vụ, lịch điều tiết nước của tỉnh.

c) Đối với sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm ở các địa bàn giáp ranh với tỉnh khác: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thời gian cụ thể, đảm bảo việc sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản không tác động xấu đến môi trường vùng nuôi của các khu vực lân cận và cả vùng nuôi.

d) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất với Ủy ban nhân dân các địa bàn của tỉnh giáp ranh về thời gian sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản cho phù hợp.

đ) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản bằng cơ giới phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có ao, đầm cần sên, vét cải tạo để được xem xét, hướng dẫn bảo vệ môi trường trong quá trình sên, vét; trường hợp sên, vét bằng phương pháp thủ công không phải báo cáo nhưng khi thực hiện phải đảm bảo không để bùn, đất, chất thải khác trong ao, đầm chưa được xử lý thoát ra môi trường bên ngoài.

e) Trước khi thực hiện việc sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm phải thông báo cho các hộ xung quanh khu vực có khả năng ảnh hưởng để chủ động trong sản xuất và phòng tránh nguy cơ lây lan dịch bệnh.

g) Quá trình cải tạo sên, vét ao nuôi trồng thủy sản mà sản phẩm tận thu sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình khác phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

#### **Điều 6. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động nuôi trồng thủy sản**

1. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thủy sản và các quy định tại Điều 3, Điều 4 Điều 5 Chương II của Quy định này.

2. Tuyên truyền phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản cho nhân viên, người lao động tại cơ sở, đơn vị mình; vận động cộng đồng xã hội tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và quản lý tốt chất lượng môi trường nước trong khu vực.

3. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung, giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định và giấy phép môi trường đã được cấp phép. Đặc biệt phải thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ theo quy định.

Trường hợp, đối với cơ sở, dự án nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường theo quy định tại Điều 4 của Quy định này có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về việc cam kết đầu tư các hạng mục bảo vệ môi trường trước khi hoạt động đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) và thực hiện phân tích chất lượng nước thải sau xử lý định kỳ 03 tháng/lần để gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, giám sát.

4. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường.

b) Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trong trường hợp thay đổi công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này; bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

c) Tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thay đổi khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này; tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (nếu có).

5. Trong quá trình thực hiện giấy phép môi trường, trường hợp có thay đổi tên dự án, cơ sở; thay đổi nội dung giấy phép (*nguồn phát sinh nước thải, khí thải; nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; ...*); giấy phép hết hạn; dự án, cơ sở thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác so với giấy phép môi trường được cấp thì chủ dự án, cơ sở phải đề nghị cơ quan cấp phép môi trường cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

6. Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đoàn thanh tra, kiểm tra khi đến làm việc; chấp hành và thực hiện nghiêm các yêu cầu, quy định của đoàn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

7. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, nếu có hành vi vi phạm các quy định này gây thiệt hại cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

### **Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh**

#### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

b) Tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản và xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Tiếp nhận, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và kiến nghị về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật; tiếp tục vận hành có hiệu quả đường dây nóng về bảo vệ môi trường.

#### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định vùng nuôi để tích hợp chung với quy hoạch của tỉnh Bạc Liêu; có kế hoạch, lộ trình đầu tư nâng cấp hạ tầng hệ thống thủy lợi đảm bảo kênh cấp, thoát nước riêng biệt phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao kiến thức về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, hướng dẫn kỹ thuật nuôi tuần hoàn nước hoặc ít thay nước; tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện đúng quy định về sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm trong nuôi trồng thủy sản; tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đến bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản. Xây dựng lịch thời vụ, lịch điều tiết nước phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.

c) Tăng cường hướng dẫn quy định kỹ thuật cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện đúng các quy định tại mục 2 của QCVN 02-19:2014/BNNT; trước mắt tập trung hướng dẫn, có các quy định yêu cầu những hộ nuôi trồng thủy sản đã thẩm định nhưng chưa đủ điều kiện nuôi theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP phải có cam kết khắc phục trong thời gian nhất định mới được tiếp tục nuôi vụ tiếp theo.

d) Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản và các nội dung khác có liên quan.

đ) Phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và kiến nghị về bảo vệ môi trường, về thủy sản trong hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền.

### **3. Công an tỉnh**

Chỉ đạo các lực lượng thuộc Công an tỉnh, Công an cấp huyện, cấp xã thực hiện chức năng phòng ngừa, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản và huy động lực lượng tham gia ứng phó với sự cố môi trường.

### **4. Sở Văn hoá, Thông tin, Thể thao và Du lịch**

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

b) Hướng dẫn các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản; đưa tin, viết báo những mô hình nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường để nhân rộng trong cộng đồng.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc xảy ra ô nhiễm môi trường do các hoạt động nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý và hoạt động trên địa bàn mình quản lý.

2. Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản, công tác phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và các nội dung khác có liên quan.

3. Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng, cũng như các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy định này.

4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, về thủy sản trong hoạt động nuôi trồng thủy sản theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường, về thủy sản theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền. Tiếp tục vận hành có hiệu quả đường dây nóng về bảo vệ môi trường.

5. Tổ chức thẩm định, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường theo thẩm quyền.

6. Tăng cường công tác hướng dẫn người dân thực hiện đăng ký nuôi theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

7. Chỉ đạo hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện đúng nội dung của Quy định này và các quy định khác có liên quan.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện có lộ trình nhất định để về lâu dài những hộ nuôi tôm thâm canh nhỏ lẻ, phân tán và những hộ không nằm trong vùng quy hoạch nuôi của địa phương chuyển đổi hình thức nuôi, nuôi đối tượng khác. Vận động và hỗ trợ người dân thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất mang tính cộng đồng, tiến tới liên kết với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào và sản phẩm đầu ra để tranh thủ hỗ trợ nguồn vốn, đầu tư trang thiết bị, tiêu thụ sản phẩm.

9. Hình thành các tổ giám sát cộng đồng trong nuôi trồng thủy sản hoặc tổ tự quản của các cơ sở nuôi trồng thủy sản trong công tác bảo vệ môi trường, có sự điều phối và tham gia của chính quyền cơ sở (*huyện, xã*), của Hội Nông dân, Hợp tác xã.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trên phạm vi địa phương mình quản lý.

2. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, khu vực thuộc phạm vi quản lý và các nội dung khác có liên quan.

3. Tiếp nhận đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi đến; cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi

trường quốc gia; kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện nghiêm quy định này.

5. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân; xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, về thủy sản hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, về thủy sản cấp trên.

6. Tiếp nhận và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường, về thủy sản trong hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định có liên quan.

## **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy định này; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và nước ngoài có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành Quy định này.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Trong quá trình thực hiện Quy định này, các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được dẫn chiếu áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.